

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2023

Ho Chi Minh City, November 27, 2023

Số/ No.: 20231127/KTGD/FUEKIVFS-CBTT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU  
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

**ANNOUNCEMENT AFTER  
EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ State Securities Commission of Vietnam

To: Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange

Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants/ Investors

- Tên quỹ ETF/ ETF name:	Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT/ KIM GROWTH VNFINSELECT ETF
- Mã chứng khoán/Securities symbol:	<b>FUEKIVFS</b>
- Tên Công ty Quản lý quỹ: Fund Management company:	Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/ KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank:	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/ Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date:	<b>24/11/2023</b>
- Đơn vị tính lô ETF/ Unit:	1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ 1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
<b>I. Chứng khoán/ Securities</b>			
1	ACB	4,400	9.56%
2	AGR	100	0.14%
3	BIC	100	0.25%
4	BID	300	1.26%
5	BMI	100	0.21%
6	BSI	100	0.42%
7	BVH	100	0.40%
8	CTG	900	2.57%
9	CTS	100	0.26%
10	EIB	2,000	3.60%
11	EVF	900	1.41%
12	FTS	200	0.80%
13	HCM	300	0.84%
14	HDB	2,500	4.42%
15	LPB	2,900	4.26%
16	MBB	3,700	6.48%
17	MIG	100	0.17%
18	MSB	2,100	2.64%
19	OCB	1,500	2.00%
20	ORS	200	0.32%
21	SHB	3,800	4.07%
22	SSB	1,800	4.05%
23	SSI	1,400	4.23%
24	STB	2,400	6.62%
25	TCB	3,000	8.93%
26	TPB	1,700	2.83%
27	TVS	100	0.20%
28	VCB	800	6.70%
29	VCI	400	1.59%
30	VDS	100	0.15%
31	VIB	1,800	3.31%
32	VIX	800	1.25%
33	VND	1,100	2.22%
34	VPB	6,000	11.25%
Tiền/ Cash (VND)		5,876,695	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value: (VND)

1,015,765,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF: (VND)

1,021,641,695

- Giá trị chênh lệch/ Spread in value: (VND)

5,876,695



- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the spread*  
 + Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:  
 + Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*  
 Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại  
*Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ *In case stock can be replaced by cash:*

STT No.	Mã chứng khoán <i>Securities code</i>	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ <i>Cash Substitution per share (VND)</i>	Đối tượng áp dụng/ <i>Applied to</i>	Lý do/ <i>Reason</i>
1	ACB	22,200	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
2	BIC	25,850	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
3	BID	43,000	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
4	BSI	42,900	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ <i>Restriction on buying treasury share without registration</i>
5	BVH	40,500	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
6	MBB	17,900	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	MSB	12,850	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	TCB	30,400	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	TPB	17,000	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	VCB	85,500	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
11	VCI	40,550	VCSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ <i>Restriction on buying treasury share without registration</i>
12	VIB	18,800	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>

- Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria:*

Chỉ tiêu/ <i>Criteria</i>	Kỳ này/ <i>This period (*)</i>	Kỳ trước/ <i>Last period (**)</i>	Chênh lệch/ <i>Difference</i>
	24/11/2023	23/11/2023	
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation units issued</i>			-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation units redeemed</i>			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Outstanding shares</i>	28,000,000	28,000,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ <i>Closing price</i>	10,150.00	10,430.00	(280)
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net asset value at valuation date</i>			
của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	286,059,674,783	293,693,519,370	(7,633,844,587)
của 1 lô CCQ ETF/ <i>per ETF creation unit</i>	1,021,641,695	1,048,905,426	(27,263,731)
của 1 CCQ/ <i>per Share</i>	10,216.41	10,489.05	(272.64)
6. Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking Index</i>	1,802.83	1,793.49	9.34

(\*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại

23/11/2023

/ *Item 5 is net asset value at*

23/11/2023

(\*\*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại

22/11/2023

/ *Item 5 is net asset value at*

22/11/2023



Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ  
*Authorised Representative of Fund Management Company*

**Hun Hang Jin**  
 CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN